

Thứ ba, ngày 30 tháng 1 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng nhẹ gần 4 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/1/2024		•	
Tuần 29/01 - 02/02/2024		•	
Tháng 1/2024		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giằng co trong vùng 1,175 – 1,180 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,179.65 điểm, tăng gần 4 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Ô tô và phụ tùng dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bán lẻ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index vẫn đang giữ xu hướng giằng co nhưng hôm nay thị trường chứng kiến sự chuyển dòng, nhiều cổ phiếu cơ bản thuộc nhóm MidCap đang tăng tốt, chờ dòng tiền đồng thuận để bứt phá xu hướng.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà tăng của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/1/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+3.96** điểm, đóng cửa **1179.65** điểm. HNX-Index **+1.62** điểm, đóng cửa **230.66** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BCM (+0.86)**, **GVR (+0.45)**, **HDB (+0.33)**, **MWG (+0.29)**, **OCB (+0.29)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.35)**, **VCB (-0.27)**, **SAB (-0.22)**, **CTG (-0.13)**, **PGV (-0.12)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12252** tỷ đồng, tăng **5.89%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **13741** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 5.79 điểm. Thị trường có **266** mã tăng, 112 mã tham chiếu, **174** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **126.22** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB(100.9 tỷ)**, **PC1(83.97 tỷ)**, **HSG(55.28 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **54.23** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+0.62%**. Các mã diễn biến tích cực: **IDC (+4.68%)**, **VGC (+3.09%)**, **GVR (+2.00%)**
- BSC50 **+1.53%**. Các mã diễn biến tích cực: **DRC (+6.88%)**, **PC1 (+6.77%)**, **BCM (+5.15%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Ô tô và phụ tùng	2.57%	Thực phẩm và đồ	0.10%
Bán lẻ	2.14%	Ngân hàng	0.03%
Xây dựng và Vật liệu	1.81%	Y tế	-0.05%
Hóa chất	1.17%	Điện, nước & xăng	-0.16%
Bất động sản	0.89%	Công nghệ Thông	-0.29%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.67%	Bảo hiểm	-0.39%
Dầu khí	0.43%	Truyền thông	-0.69%
Dịch vụ tài chính	0.39%		
Tài nguyên Cơ bản	0.25%	VNMID	0.89%
Hàng & Dịch vụ Công	0.22%	VNSML	0.78%
Du lịch và Giải trí	0.13%	VN30	0.22%

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1179.65**
Giá trị: 12251.8 tỷ **3.96 (0.34%)**
Khối ngoại (ròng): 126.22 tỷ

HNX-INDEX **230.66**
Giá trị: 1217.76 tỷ **1.62 (0.71%)**
Khối ngoại (ròng): 54.23 tỷ

UPCOM-INDEX **87.85**
Giá trị: 416.53 tỷ **0.25 (0.29%)**
Khối ngoại (ròng): 76.14 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.2	0.07%
Giá vàng	2,032	0.69%
Tỷ giá USD/VND	24,430	-0.45%
Tỷ giá EUR/VND	26,445	-0.53%
Tỷ giá JPY/VND	165.64	-0.45%
LS liên NH 1 tháng	0.81%	
LS TPCP 5 năm	1.37%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	100.90	VRE	-141.37
PC1	83.97	KDC	-104.94
HSG	55.28	VNM	-81.82
PDR	51.07	VHM	-27.73
BCM	35.65	MWG	-27.64

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 29/01/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	77.06	-1.22%	3.07%	9.48%	-1.44%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	81.99	-1.15%	2.42%	8.04%	-2.55%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.23	-2.58%	-0.13%	6.68%	-16.77%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.07	-5.01%	-2.78%	-13.41%	-24.35%		
TTF Gas	EUR/MWh	28.17	0.34%	3.34%	-7.84%	-48.92%		
Vàng	Ounce	2,031.93	0.67%	0.54%	-1.31%	5.69%		PNJ
Bạc	Ounce	23.19	1.72%	5.00%	-1.94%	-1.71%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,193.00	-1.34%	-2.55%	-6.32%	-22.00%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	15.22	0.13%	0.07%	-5.35%	-21.75%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	152.10	-0.59%	0.26%	-2.44%	5.26%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	23.53	-1.01%	0.13%	12.58%	10.94%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	392.50	7.87%	9.79%	18.76%	-5.42%		DPM, DCM
Niken	LB	16,538.00	0.42%	4.68%	-0.90%	-42.32%		PC1
Đồng	LB	3.88	0.74%	2.99%	0.20%	-7.78%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,380.00	0.00%	-2.46%	-14.70%	-11.06%		CSV
Thép	CNY/ton	3,952.00	0.00%	1.96%	0.08%	-5.43%		HPG
Nhôm	Ton	2,256.00	-0.81%	4.49%	-3.40%	-12.88%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Brent giao sau giảm 1.15%, xuống 81.99 USD/thùng. Dầu thô West Texas Intermediate của Mỹ giảm 1.22%, xuống 77.06 USD.

• Giá dầu đã tăng khoảng 3% lên mức cao nhất kể từ tháng 12/2023 sau khi dữ liệu kinh tế của Mỹ cho thấy tăng trưởng nhanh hơn dự kiến trong quý trước và khi căng thẳng ở Biển Đỏ tiếp tục làm gián đoạn thương mại toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.67% lên 2,031.93 USD/ounce vào lúc 1849 GMT. Giá vàng kỳ hạn của Mỹ tăng 0.1% lên 2,017.8 USD.

• Vàng tăng cao hơn khi lợi suất trái phiếu kho bạc giảm sau khi dữ liệu GDP của Mỹ nhấn mạnh rằng tốc độ lạm phát chậm lại, điều này có thể đẩy nhanh chiến lược cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang.

Quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) tăng 1.6% lên 987 nhân dân tệ (137.80 USD)/tấn. Quặng sắt trên Sàn giao dịch Singapore giảm 0.07% còn 1,35.10 USD/tấn.

• Giá quặng sắt kỳ hạn biến động trái chiều, với giá tăng phiên thứ ba liên tiếp tại Đại Liên Trung quốc do kỳ vọng về sự thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc sau động thái kích thích của ngân hàng trung ương, trong khi giá Singapore giảm thấp hơn.

Giá hàng hóa khác

- Chốt phiên, giá đậu tương kỳ hạn tháng 3/2024 của Sở giao dịch Chicago (CBOT) giảm 18-3/4 cent, tương đương 1.6%, xuống 12.21-1/2 USD/bushel và dầu đậu tương kỳ hạn tháng 3/2024 giảm 0.84 cent, tương đương 1.8%, xuống 46.48 cent/pound.

• Giá đường kỳ hạn tháng 3/2024 giảm 0.42 cent, tương đương 1.7%, xuống 24.04 cent/lb sau khi thiết lập mức cao nhất trong 7 tuần là 24.62 cent. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2024 giảm 1.5% xuống 675.30 USD/tấn.

Phân tích kỹ thuật
DCM_Tín hiệu tích cực

- Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
 - Chỉ báo xu hướng MACD: MACD có xu hướng nằm trên đường tín hiệu.
 - Chỉ báo RSI: tiếp tục xu hướng tăng

Nhận định: Áp lực bán của DCM trong phiên giao dịch hôm nay đã thu hẹp đà giảm. Chỉ báo RSI và MACD cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu duy trì xu hướng ở trên đường MA20, MA50. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 32.10, chốt lãi tại ngưỡng 36.50 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 30.50.

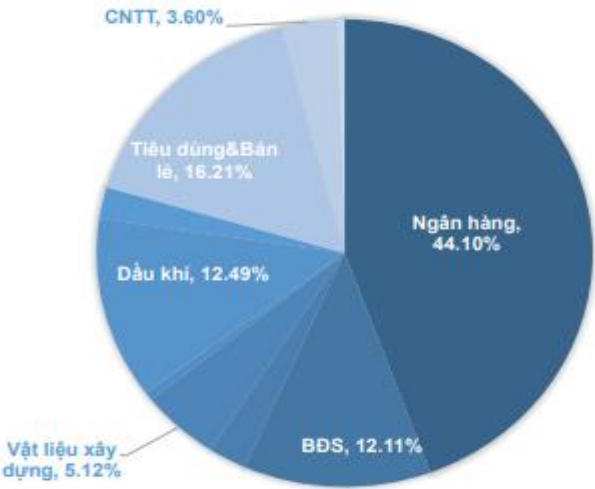


Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo bảo
VCB	Ngân hàng	91.0	-0.2%	0.6	20,679	3.3	6,013	15.1	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	48.4	-0.5%	0.9	11,229	2.2	3,887	12.5	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.7	-0.3%	1.1	6,355	5.5	1,532	12.9	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	35.2	-0.1%	1.1	5,041	7.5	5,111	6.9	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.1	-0.2%	1.1	4,685	12.9	3,668	6.0	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.7	1.2%	1.0	2,353	14.3	3,825	8.0	31,200	22.5%	Link
GVR	BĐS KCN	23.0	2.0%	1.7	3,732	3.5	583	39.4	19,100	0.3%	Link
KBC	BĐS KCN	31.0	1.8%	1.9	966	7.5	1,880	16.5	42,500	20.8%	Link
IDC	BĐS KCN	53.7	4.9%	1.1	720	10.6	3,177	16.9	45,900	17.6%	Link
VGC	BĐS KCN	53.3	3.1%	1.5	972	2.4	3,078	17.3	-	5.4%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.0	0.0%	1.3	6,620	20.0	322	87.0	23,300	24.5%	Link
VHM	Bất động sản	42.0	0.5%	1.4	7,436	5.0	9,468	4.4	79,900	22.4%	Link
VRE	BĐS	23.4	0.4%	1.2	2,162	7.8	1,818	12.9	38,900	31.0%	Link
KDH	BĐS	31.0	-0.5%	1.4	1,008	1.3	1,079	28.7	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	39.1	0.4%	1.4	612	3.6	1,257	31.1	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	90.4	0.6%	1.4	1,396	3.6	8,146	11.1	85,000	18.9%	Link
DPM	Phân bón	33.5	-0.1%	1.2	533	1.2	4,017	8.3	41,000	10.0%	Link
DCM	Phân bón	32.1	-0.2%	1.5	691	3.7	2,091	15.3	36,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	76.4	-0.3%	0.7	7,134	1.6	5,283	14.5	110,500	2.6%	Link
PLX	Dầu khí	34.8	0.1%	0.9	1,795	0.5	2,628	13.2	45,000	17.1%	Link
PVS	Dầu khí	37.2	0.8%	0.9	723	6.7	1,846	20.2	38,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	28.0	1.3%	1.1	632	6.2	780	35.8	29,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.5	0.9%	0.7	1,095	3.4	609	18.9	14,500	4.0%	Link
VNM	F&B	66.9	-0.1%	0.8	5,685	4.9	4,027	16.6	81,700	53.9%	Link
MSN	F&B	66.1	0.8%	1.8	3,845	3.1	570	116.0	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	45.4	1.8%	1.6	2,699	13.2	476	95.3	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	91.4	0.1%	0.7	1,243	4.3	5,506	16.6	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	64.7	1.9%	0.9	590	1.8	4,793	13.5	90,900	32.2%	Link
GMD	Logistics	69.5	-0.7%	0.8	864	1.5	7,504	9.3	57,000	48.2%	Link
FPT	Công nghệ	95.6	-0.3%	0.8	4,936	3.7	5,095	18.8	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.2	-0.3%	1.0	7,030	4.9	3,773	8.5	1.3	27.1%	16.1%
ACB	Ngân hàng	26.0	0.0%	0.8	4,098	6.7	4,131	6.3	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	21.8	2.1%	0.7	2,570	5.6	2,926	7.5	1.5	19.6%	23.2%
LPB	Ngân hàng	17.8	0.9%	0.9	1,846	5.0	2,179	8.1	1.3	2.6%	15.9%
VIB	Ngân hàng	20.9	0.5%	1.1	2,156	3.1	3,375	6.2	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.8	0.2%	1.7	1,082	7.3	1,662	13.1	1.6	22.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	18.3	0.8%	1.0	1,638	5.2	2,027	9.0	1.2	29.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	34.2	0.6%	1.3	2,082	16.5	1,342	25.5	2.3	43.2%	9.0%
CII	Xây dựng	18.6	1.4%	1.7	240	5.4	368	50.5	-4.6	6.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.7	0.9%	1.6	0	0.4	458	25.6	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	69.1	0.3%	1.1	279	2.6	1,388	49.8	0.8	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.6	1.6%	1.4	262	2.3	1,004	15.6	0.7	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.2	1.7%	1.3	94	1.5	456	26.8	0.9	2.1%	3.8%
BCM	KCN	65.3	5.2%	0.8	2,748	4.5	432	151.3	4.0	2.1%	1.7%
HUT	KCN	19.7	1.0%	1.7	715	2.7	54	366.6	1.9	1.6%	1.3%
PHR	KCN	51.5	3.2%	1.2	284	1.9	4,592	11.2	1.9	15.8%	26.9%
SZC	KCN	39.7	3.1%	1.6	290	3.9	1,827	21.7	2.7	3.2%	10.9%
HSG	Vật liệu	23.2	1.3%	1.6	580	8.8	1,321	17.5	1.3	22.1%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.8	0.4%	1.3	199	0.1	44	288.7	1.0	3.1%	1.3%
NKG	Vật liệu	25.0	1.0%	1.8	268	6.9	(974)	-25.7	1.3	16.0%	13.5%
PTB	Vật liệu	54.2	-0.2%	0.5	148	0.2	4,721	11.5	1.4	20.9%	13.4%
KSB	Vật liệu	30.4	4.8%	1.7	94	5.5	1,210	25.1	1.2	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	16.4	0.3%	1.8	1,304	6.4	(309)	-53.3	0.9	3.5%	1.9%
DXG	BĐS	18.8	0.0%	2.1	549	4.1	(456)	-41.1	1.2	20.0%	3.4%
HDC	BĐS	30.8	0.3%	1.4	170	0.7	1,898	16.3	2.2	1.3%	16.9%
DIG	BĐS	27.0	0.9%	1.9	668	10.2	182	148.3	2.2	5.2%	1.1%
IJC	BĐS	15.2	4.8%	1.5	156	3.1	1,569	9.7	1.0	5.9%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.1	0.0%	1.2	0	2.7	2,493	7.7	1.1	0.8%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.5	0.6%	0.9	349	1.9	2,926	9.1	1.2	12.3%	16.4%
PLC	Vật liệu	31.0	1.0%	1.3	102	0.1	1,287	24.1	1.9	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	31.8	6.9%	0.9	154	3.9	2,086	15.3	2.0	13.6%	13.5%
REE	Tiện ích	56.4	-0.2%	0.8	937	1.6	5,879	9.6	1.4	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.9	0.7%	2.0	758	4.7	511	42.9	1.6	12.6%	5.4%
NT2	Tiện ích	26.2	3.4%	0.9	306	1.5	1,718	15.2	1.7	13.4%	16.2%
HDG	Bất động sản	26.4	1.3%	1.3	329	2.0	2,194	12.1	1.5	22.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	30.8	6.8%	1.4	389	25.2	936	32.8	2.0	8.5%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.2	2.3%	0.9	183	0.4	308	42.8	1.0	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.3	0.0%	1.9	180	0.9	(118)	-70.8	0.6	1.7%	0.3%
SAB	F&B	57.2	-1.2%	0.8	2,983	1.7	3,286	17.4	3.0	61.7%	18.7%
QNS	F&B	46.3	0.2%	0.5	0	0.8	6,134	7.5	1.9	15.5%	24.3%
FRT	Bán lẻ	113.7	4.8%	0.7	630	4.5	(1,103)	-103.1	10.0	36.2%	11.8%
DGW	Bán lẻ	55.0	1.1%	1.5	374	4.0	2,517	21.8	3.6	23.4%	21.9%
DBC	F&B	27.0	3.8%	1.7	266	14.4	(250)	-107.8	1.4	4.5%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.8	1.2%	1.2	112	0.3	735	35.1	1.5	1.0%	5.7%
BAF	F&B	24.9	0.8%	0.2	145	1.6	139	179.1	2.1	0.3%	10.2%
ANV	Thủy sản	29.9	0.5%	1.1	162	1.6	314	95.1	1.6	3.0%	10.0%
VSC	Logistics	20.8	4.0%	1.2	226	4.0	1,010	20.6	1.0	2.5%	7.9%
HAH	Logistics	38.0	-0.8%	1.3	163	6.1	4,676	8.1	1.6	3.9%	24.6%
CTR	Công nghệ	92.7	0.5%	0.9	431	0.5	4,346	21.3	5.9	10.1%	32.1%
TNG	Dệt may	20.5	5.1%	1.0	95	4.0	2,030	10.1	1.4	18.6%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
5	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639